

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN ĐỀ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2018/DS-ST
Ngày: 06-7-2018
V/v tranh chấp Hợp đồng mua bán
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hồng Ứng.
2. Ông Nguyễn Văn Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Thạch Thị Sa The-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Kiên Thức-Kiểm sát viên.

Trong ngày 06-7-2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số 91/2017/TLST-DS ngày 27-11-2017, về việc “Tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2018/QĐST-DS ngày 08-6-2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2018/QĐST-DS ngày 22-6-2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TH; Địa chỉ trụ sở: Đường X, phường Y, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn TA; Sinh năm: 1984; Địa chỉ cư trú: Đường Đ, phường Z, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (theo Giấy ủy quyền ngày 22-6-2018 của Giám đốc Công ty TH). (có mặt)

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị D; Sinh năm: 1977; Đơn vị công tác: Công an huyện T; Địa chỉ nơi công tác: Ấp C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn khởi kiện ngày 05-10-2017, Bản tự khai ngày 16-3-2018 và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày như sau: Vào ngày 03-02-2015, bà Nguyễn Thị D ký hợp đồng mua hàng trả góp số 0302/HĐTG_LAPTOP2015 với Công ty TH. Theo hợp đồng, bà D mua của Công ty TH 01 Laptop Dell 5547/4Gb/500Gb/cart với giá tiền là 14.720.000 đồng, theo thỏa thuận thì bà D trả trước cho Công ty TH số tiền là 6.096.000 đồng, số tiền còn lại là 8.624.000 đồng thì bà D trả góp cho Công ty TH với thời

hạn là 11 tháng, mỗi tháng trả 784.000 đồng, thời hạn trả góp bắt đầu từ ngày 03-3-2015, lãi suất trả góp là 01%/tháng. Sau khi mua hàng, bà D chỉ trả góp cho Công ty TH 01 lần với số tiền là 784.000 đồng, còn nợ lại số tiền 7.840.000 đồng đến nay chưa thanh toán. Nay Công ty TH yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà D thanh toán cho Công ty TH khoản nợ gốc là 7.840.000 đồng và tiền lãi từ ngày hết hạn trả góp là ngày 03-01-2016 đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất thỏa thuận là 01%/tháng.

* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập bị đơn Nguyễn Thị D nhiều lần để cung cấp lời khai về vụ án, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng bà D đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thu thập được lời khai của bà D về vụ án.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ sau để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện: 01 Hợp đồng mua hàng trả góp số 0302/HĐTG_LAPTOP 2015 ngày 03-02-2015 được ký kết giữa Công ty TH và bà Nguyễn Thị D; 01 Giấy xác nhận về việc mua máy trả góp do bà Nguyễn Thị D lập ngày 09-01-2015 có xác nhận của Công an huyện T; 01 Giấy chứng minh nhân dân của bà Nguyễn Thị D (bản sao); 01 Sổ hộ khẩu số 520004315 do ông Trần H làm chủ hộ, thành viên hộ là Nguyễn Thị D (bản sao); 01 Phiếu thu số 06H004 ngày 06-3-2015 do Công ty TH lập đối với người nộp tiền là Nguyễn Thị D; 01 Phiếu thu số 03V006 ngày 03-02-2015 do Công ty TH lập.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đối với bị đơn không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tham dự phiên tòa là chưa thực hiện đúng nghĩa vụ theo Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 357, 430 và 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TH, xử buộc bà Nguyễn Thị D thanh toán cho Công ty TH khoản nợ gốc là 7.840.000 đồng và tiền lãi từ ngày 04-01-2016 đến ngày 06-7-2018 với mức lãi suất là 01%/tháng và buộc bà Nguyễn Thị D chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 13-11-2017, Tòa án nhân dân huyện Trần Đề nhận được đơn khởi kiện của Công ty TH lập ngày 05-10-2017 cùng các tài liệu, chứng cứ kèm theo. Ngay sau khi nhận được đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, Tòa án thực hiện thủ tục nhận,

xử lý đơn khởi kiện của Công ty TH và thụ lý vụ án theo đúng quy định tại các điều 191 và 195 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện lập ngày 05-10-2017, Công ty TH yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản đối với bị đơn Nguyễn Thị D công tác tại Công an huyện T, địa chỉ trụ sở tại ấp C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân huyện Trần Đề thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[3] Về xét xử vắng mặt đương sự: Bị đơn Nguyễn Thị D vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do khi đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ vào khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TH đòi bị đơn Nguyễn Thị D thanh toán khoản nợ gốc là 7.840.000 đồng và tiền lãi từ ngày 04-01-2016 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 06-7-2018 với mức lãi suất là 01%/tháng: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Công ty TH xác định vào ngày 03-02-2015, bà Nguyễn Thị D trả góp của Công ty TH 01 Laptop Dell 5547/4Gb/500Gb/cart với giá tiền là 14.720.000 đồng và trả trước cho Công ty TH số tiền là 6.096.000 đồng, số tiền còn lại là 8.624.000 đồng thì bà D thỏa thuận trả góp cho Công ty TH với thời hạn là 11 tháng, mỗi tháng trả 784.000 đồng, thời hạn trả góp bắt đầu từ ngày 03-3-2015 đến ngày 03-01-2016, lãi suất trả góp là 01%/tháng. Sau khi mua hàng, bà D chỉ trả góp cho Công ty TH 01 lần vào ngày 06-3-2015 với số tiền là 784.000 đồng, còn nợ lại số tiền 7.840.000 đồng đến nay chưa thanh toán. Xét lời trình bày của đại diện nguyên đơn là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ như Hợp đồng mua hàng trả góp số 0302/HĐTG_LAPTOP 2015 ngày 03-02-2015 được ký kết giữa Công ty TH và bà Nguyễn Thị D, Giấy xác nhận về việc mua máy trả góp do bà Nguyễn Thị D lập ngày 09-01-2015 có xác nhận của Công an huyện T và Phiếu thu số 06H004 ngày 06-3-2015 do Công ty TH lập đối với người nộp tiền là Nguyễn Thị D. Đồng thời, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án cho bị đơn Nguyễn Thị D biết về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TH nhưng bà D không có ý kiến phản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định: “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”. Như vậy, việc bà Nguyễn Thị D ký kết hợp đồng mua hàng trả góp của Công ty TH và hiện nay bà D còn nợ Công ty TH khoản nợ gốc là 7.840.000 đồng là có thật. Xét giao dịch giữa các bên chưa thực hiện xong và có nội dung, hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015 áp dụng quy định Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án. Xét trong quá trình thực hiện hợp đồng mua

bán tài sản, phía bà D đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán của bên mua tài sản. Do đó, căn cứ các điều 430, 453, 440, 357 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, yêu cầu khởi kiện của Công ty TH là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận và buộc bà Nguyễn Thị D có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TH khoản nợ gốc là 7.840.000 đồng và tiền lãi chậm trả tính từ ngày 04-01-2016 đến ngày 06-7-2018 theo mức lãi suất 01%/tháng với số tiền là 2.276.213 đồng (7.840.000 đồng x 29 tháng 03 ngày x 01%/tháng = 2.276.213 đồng), tổng cộng vốn lãi là 10.116.213 đồng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn Nguyễn Thị D chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 505.811 đồng (10.116.213 đồng x 5% = 505.811 đồng).

[6] Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ vào Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn Nguyễn Thị D vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án cho bị đơn Nguyễn Thị D.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* **Căn cứ:** khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 688, Điều 430, Điều 453, Điều 440, Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

* **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TH. Xử buộc bà Nguyễn Thị D thanh toán cho Công ty TH khoản nợ gốc với số tiền là 7.840.000 đồng và tiền lãi là 2.276.213 đồng, tổng cộng là 10.116.213 đồng (Mười triệu, một trăm mười sáu ngàn, hai trăm mười ba đồng).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị D chịu án phí dân sự sơ thẩm là 505.811 đồng (Năm trăm lẻ năm ngàn, tám trăm mười một đồng). Công ty TH không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Công ty TH số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006514 ngày 21-11-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

- Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản nợ gốc, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu

khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất là 10%/năm.

- Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn Nguyễn Thị D vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án cho bị đơn Nguyễn Thị D.

Nơi nhận:

- Các bên đương sự;
- VKSND huyện Trần Đề;
- Chi cục THADS huyện T;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P.KTNV &THA);
- Lưu (HSVA & TA).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)

Lê Thanh Vũ